

Bản án số: 465/2022/HS-PT
Ngày: 14/11/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Thẩm phán:

1. Ông Ngô Đức Thụ.
2. Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 373/2022/HSPT ngày 07/10/2022 đối với các bị cáo **Phạm Anh T** và đồng phạm do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo:

1. **Lê Thanh L**, sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: **E T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lái xe; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Đình P** (đã chết) và bà **Nguyễn Kim L1**; có vợ **Ngô Thị Huyền T1** và 02 con sinh năm 2002 và năm 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại (có đơn xin xét xử mặt).

2. **Phạm Anh T**, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: **G N, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**; chỗ ở: **A P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn T2** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Kiên Q**; có vợ **Lê Tú Q1** và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giam ngày 14/12/2021, đến ngày 28/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Trung H, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: C T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: công nhân; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Lê Thị Tú A; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lý Bá Đ, sinh năm 1982; trú tại: 2 N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự: Luật sư Đỗ Biên T3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Lý Bá Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2018, Lý Bá Đ bắt đầu vay tiền nhiều người để tiêu xài cá nhân rồi tiếp tục vay tiền của người sau để trả cho người trước. Đến khoảng tháng 5/2020, Đ không còn khả năng thanh toán nợ nên bắt đầu trốn tránh. Ngày 24/3/2021, Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B tố cáo về việc các đối tượng gồm: Lê Thanh L, Phạm Anh T, Nguyễn Trung H, Trần Anh K, Ngô Đình Nam T4, Nguyễn Thanh H1 và Nguyễn Vũ T5 có hành vi cho vay lãi nặng. Cụ thể:

1. Đối với Lê Thanh L:

Khoảng tháng 06/2018, Đ vay của Lê Thanh L nhiều lần với tổng số tiền là 260.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, không hẹn thời hạn trả nợ. Tiền lãi Đ trả cho L bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Trong thời gian 17 tháng từ ngày 14/06/2018 đến ngày 15/11/2019, Đ đã 13 lần chuyển tiền lãi cho L, tổng số tiền là 158.000.000 đồng. Sau đó, Đ không còn khả năng trả lãi, L nhiều lần gây áp lực yêu cầu Đ phải thanh toán tiền nên Đ tố cáo.

Quá trình điều tra, Lê Thanh L thừa nhận đã cho Đ vay tổng số tiền 260.000.000 đồng với lãi suất 10%/ tháng, tương đương 120%/ năm là gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Đ đã 15 lần chuyển khoản với tổng cộng 158.000.000 đồng tiền lãi cho L, còn lại tiền gốc là 260.000.000 đồng, Đ chưa trả.

Như vậy, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 26.333.333 đồng; tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 131.666.667 đồng, L thu lợi bất chính 15 lần với tổng số tiền 131.666.667 đồng. Trong đó, tất cả các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng.

2. Đối với Phạm Anh T và Nguyễn Trung H:

Đ và **T** quen biết nhau từ năm 2017, khi **Đ** là trật tự đô thị, còn **T** đang sinh hoạt Đoàn tại **Phường A, quận B**. Từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2019, **Đ** vay của **T** nhiều lần bằng tiền mặt với tổng số tiền là 570.000.000 đồng, trong đó: 390.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng và 180.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng, không giao hẹn thời gian tất toán. Từ ngày 21/5/2018 đến ngày 15/11/2019, **Đ** đã chuyển khoản cho **T** 15 lần tiền lãi với tổng số tiền 274.300.000 đồng.

Sau đó, **Đ** không còn khả năng trả lãi nên đến ngày 05/9/2019, **T** tính số tiền lãi **Đ** chưa đóng cộng dồn thành 370.000.000 đồng rồi giới thiệu **Đ** với người bạn của **T** là **Nguyễn Trung H**. Mục đích là **H** sẽ cho **Đ** vay 370.000.000 đồng với lãi suất 12%/tháng để **Đ** trả số tiền 370.000.000 đồng cho **T**. Từ ngày 28/09/2019 đến ngày 06/12/2019, **Đ** đã 04 lần chuyển khoản cho **H** tổng số tiền 65.800.000 đồng và không còn khả năng trả lãi nữa. Sau đó, **Đ** biết **H** là anh vợ của **T**, **T** là người chỉ đạo Hiếu đứng tên giúp **T**. Tháng 8/2020, **H** làm đơn tố giác **Đ** với nội dung **Đ** đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản số tiền 2.484.000.0000 đồng gửi đến các cơ quan chức năng. Ngày 20/05/2021, **Đ** gửi đơn tố cáo **T**, **H** và khẳng định không vay của **H**, **T** số tiền 2.484.000.0000 đồng.

Kết quả điều tra thể hiện:

Ban đầu, **Phạm Anh T** không thừa nhận đã cho **Lý Bá Đ** vay số tiền 570.000.000 đồng nhưng sau đó **T** thay đổi lời khai, thừa nhận đã cho **Đ** vay 390.000.000 đồng với lãi suất 10%/ tháng (tương đương 120%/năm là gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự) và cho vay 180.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng (tương đương 180%/năm là gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự). Việc vay mượn không giao hẹn thời gian tất toán mà **T** chỉ yêu cầu **Đ** đóng tiền lãi đúng hạn. **Đ** đã nhiều lần đóng tiền lãi cho **T** qua chuyển khoản với tổng số tiền 274.300.000 đồng. Một thời gian sau, **Đ** không tiếp tục đóng tiền lãi, cũng không trả tiền vốn vay cho **T**, nên đến khi số tiền lãi mà **Đ** không trả cộng dồn là 370.000.000 đồng thì **T** nhờ anh vợ là **Nguyễn Trung H** đứng tên cho **Đ** vay số tiền 370.000.000 đồng với mức lãi suất 12%/1 tháng (tương đương 144%/năm là gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự).

Đối với **Nguyễn Trung H**: **H** khai nhận bản thân có thu tiền lãi với lãi suất 12%/1 tháng (tương đương 144%/năm là gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự) của **Lý Bá Đ** hàng tháng. Tuy nhiên, thực tế **H** hoàn toàn không có cho **Đ** vay tiền, mà **H** chỉ đứng tên dùm cho **Phạm Anh T** trên giấy tờ cho vay số tiền 370.000.000 đồng. Ngoài ra, **H** cũng đứng tên trong đơn tố cáo **Đ** có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản gửi **Công an quận B**. **H** khai bản thân đồng ý đứng tên dùm **T** do **T** là em rể của **H** và do **T** là Đảng viên, ngoài ra **T** hứa sẽ cho **H** được hưởng lợi bằng tiền. Trong thời gian 04 tháng từ ngày 28/9/2019 đến ngày 06/12/2019, **Đ** đã 04 lần chuyển khoản vào tài khoản của **H** số tiền tổng cộng là 65.800.000 đồng. Trong đó, **T** đồng ý cho **H** giữ lại

7.900.000 đồng tiền công và còn lại 57.900.000 đồng **H** chuyển vào tài khoản ngân hàng **S** của **T**.

Do khoản vốn vay 370.000.000 đồng không có thực, đây chỉ là số tiền lãi mà **D** chưa đóng của khoản vốn vay 570.000.000 đồng. Nên toàn bộ số tiền mà **T**, **H** yêu cầu **D** đóng lãi cho khoản vay 370.000.000 đồng đều là tiền thu lợi bất chính.

Như vậy, **T** đã cho **D** vay lãi đối với số tiền vốn vay là 570.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà **D** đã đóng cho **T** (bao gồm cả tiền **D** đóng cho **T** thông qua **H**) là 340.100.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 45.716.667 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 294.383.333 đồng.

Phạm Anh T thu lợi bất chính 19 lần với tổng số tiền thu lợi bất chính là 294.383.333 đồng. Trong đó có 04 lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng. Bản thân **T** được hưởng lợi bất chính với tổng số tiền là 286.483.333 đồng. Hiện gia đình **T** đã tự nguyện giao nộp lại số tiền lãi **T** nhận được từ **D** là 332.200.000 đồng.

Nguyễn Trung H giúp **T** thu lợi bất chính 04 lần với tổng số tiền thu lợi bất chính là 65.800.000 đồng. Trong đó có 01 lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng. Bản thân **H** được hưởng lợi bất chính với tổng số tiền là 7.900.000 đồng, hiện **H** đã tự nguyện giao nộp lại số tiền này.

Hiện **D** chưa trả tiền gốc vay 570.000.000 đồng cho **T**.

- Đối với việc **T** nộp đơn tố cáo **Lý Bá D** có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì **T** khai như sau: Ngày 22/03/2020, **T** viết giấy cộng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi mà **D** còn nợ lại thì được số tiền 1.229.400.000 đồng, rồi chụp ảnh lại gửi cho **D**. Đây là số tiền phát sinh từ số tiền gốc 570.000.000 đồng mà **D** đã vay. Tới khoảng tháng 07/2020, khi **D** có dấu hiệu trốn tránh, không trả tiền cho **T** thì **T** đã lấy số tiền chốt ngày 22/03/2020 là 1.229.400.000 đồng để tính lãi suất 12%/tháng. Sau đó, cộng dồn cả gốc và lãi với nhau trong 06 tháng từ tháng 3 tới tháng 8/2020 thì được số tiền là 2.426.617.609 (hai tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười bảy ngàn, sáu trăm lẻ chín đồng). **T** đã lấy các giấy, hợp đồng vay tiền mà **D** đã ký trước đó sao cho số tiền trên các giấy, hợp đồng này khi cộng lại xấp xỉ số tiền 2.426.617.609đ. **T** lấy ra 09 bản với tổng giá trị là 2.484.000.000 đồng và đưa cho **Nguyễn Trung H** để **H** ký vào phần Bên cho vay. Ngày 06/08/2020, **T** lấy các giấy, hợp đồng vay tiền đi photocopy để gửi kèm theo đơn tố giác đến các cơ quan chức năng. **H** chỉ là người đứng tên trên đơn tố giác, còn việc soạn đơn, chuẩn bị tài liệu, đi gửi đơn là do **T** thực hiện. **T** khai do bản thân tham khảo ý kiến bạn bè và thông tin trên mạng Internet thì được biết việc vay tiền không trả là phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên **T** đã soạn đơn tố cáo **D** gửi tới các cơ quan chức năng, mục đích để **D** trả tiền gốc cho **T**, chứ **T** không đi tố cáo nhằm mục đích vu khống **D**. **T** biết **D** không có khả năng trả tiền gốc thì đương nhiên không có khả

năng trả số tiền lãi còn thiếu nhưng **T** vẫn tính toán cộng dồn lãi ra số tiền lớn để **Đ** lo sợ mà xuất hiện.

3. Đối với **Ngô Đình Nam T4**:

Đ và **T4** có mối quan hệ bạn bè quen biết ngoài xã hội. Năm 2018, **Đ** có vay của **T4** số tiền tổng cộng là khoảng gần 1 tỷ đồng (không nhớ chính xác số tiền) qua nhiều lần vay bằng tiền mặt, với lãi suất 5%/tháng, không giao hẹn thời gian trả toán. Tiền lãi **Đ** trả cho **T4** bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Từ ngày 25/09/2018 đến ngày 07/01/2020, **Đ** đã chuyển khoản cho **T4** số tiền là 321.500.000 đồng (ba trăm hai mươi một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền lãi tương ứng với 13 lần chuyển.

Kết quả điều tra: Ban đầu, **T4** thừa nhận cho **Lý Bá Đ** Vay tiền với lãi suất 5%/tháng (tương đương với 60%/năm là gấp 3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự) đối với số tiền lần lượt là 250.000.000 đồng, 180.000.000 đồng, 200.000.000 đồng. **T4** đã nhận được 31.500.000 đồng tiền lãi tương đương với 03 lần chuyển khoản. Cụ thể: Ngày 25/09/2018, nhận 12.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay 250.000.000 đồng; Ngày 28/02/2019, nhận 9.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 180.000.000 đồng; Ngày 25/10/2019, nhận 10.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng.

Sau đó, **T4** thay đổi lời khai, **T4** khai không nhận tiền lãi vay mà chỉ nhận “tiền cảm ơn” 5%/tháng. **T4** khai **Đ** đã chủ động liên lạc với **T4** để hỏi vay tiền giải quyết công việc liên quan đến đất đai ở **huyện B** của **Đ**. **T4** đã cho **Đ** vay tổng số tiền tính đến ngày 21/01/2020 là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), không lãi suất. Thấy số tiền cho **Đ** vay đã lớn nên **T4** có yêu cầu **Đ** tới **Văn phòng công chứng quận B** địa chỉ **số A X, phường B, quận B** để ký hợp đồng vay tổng số tiền 1.250.000.000 đồng. **Đ** cam kết đến ngày 29/02/2020 sẽ trả lại tiền cho **T4** nhưng tới nay chưa trả. **T4** khai trong 13 lần **Đ** chuyển khoản cho **T4** thì chỉ có 03 lần là chuyển “tiền cảm ơn”, còn các lần còn lại là chuyển trả tiền vay tiền mặt trước đó mà **T4** đã cho **Đ** vay.

Đ trình bày đã chuyển khoản cho **T4** 13 lần tiền lãi vay với tổng số tiền đã chuyển là 321.500.000 đồng. Tuy nhiên, nội dung chuyển khoản chỉ ghi là “chuyen tien” hoặc “anh **Đ** chuyen tien”. **Đ** không cung cấp được tài liệu nào thể hiện các lần **Đ** chuyển tiền cho **T4** là tiền đóng lãi.

4. Đối với **Nguyễn Vũ T5**:

Đ và **T5** có mối quan hệ bạn bè quen biết ngoài xã hội do **T5** từng làm trật tự đô thị **phường B, quận B**. Từ tháng 07/2019, **Đ** có vay của **T5** tổng cộng số tiền 310.000.000 đồng bằng tiền mặt, bao gồm: Ngày 28/07/2019, vay Trường 100.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng (tương đương với 180%/năm là gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự); Ngày 17/02/2020, vay **T5** 200.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng (tương đương với 120%/năm là gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự); Ngày 24/02/2020, vay **T5** 10.000.000 đồng, không tính lãi suất. Các lần vay đều không giao hẹn thời gian

tất toán. Trong thời gian 06 tháng từ ngày 28/08/2019 đến ngày 17/02/2020, Đ đã chuyển khoản trả tiền lãi của khoản vay 100 triệu đồng lãi suất 15% cho T5 với tổng số tiền là 69.500.000 đồng tương ứng với 08 lần chuyển khoản. Khoản vay 200.000.000 đồng lãi suất 10% Đ chưa trả số tiền lãi nào cho T5.

Kết quả điều tra: T5 khai bản thân có cho Lý Bá Đ mượn số tiền 382.000.000 đồng không tính lãi suất. Số tiền T5 cho Đ mượn chia làm 02 phần: phần 300.000.000 đồng bằng tiền mặt có ghi giấy mượn tiền, còn phần 82.000.000 đồng thì T5 chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt cho Đ. T5 giải thích số tiền 75.000.000 đồng mà Đ chuyển khoản đến tài khoản của T5 là tiền Đ trả cho số tiền vay 82.000.000 đồng, không phải là tiền lãi vay. Qua làm việc, Đ không cung cấp được các tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo Nguyễn Vũ T5. Ngoài ra, Đ không cung cấp được tài liệu nào thể hiện các lần Đ chuyển khoản cho T5 là chuyển khoản tiền lãi.

5. Đối với Nguyễn Thanh H1:

H1 là bạn của Ngô Đình Nam T4 và Đ quen H1 do T4 giới thiệu. Ngày 22/01/2020, Đ có vay H1 số tiền 130.000.000 đồng bằng tiền mặt, tiền lãi hàng tháng Đ phải đóng cho H1 là 15.000.000 đồng/tháng (tương đương với 11,53%/tháng, 138,46%/năm là gấp 6,92 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự). Hai bên không giao hẹn thời gian tất toán. Ngày 04/03 và ngày 03; 07/04/2021, Đ sử dụng tài khoản ngân hàng T8 số 19035194506014 của mình chuyển lần lượt số tiền 15.000.000 đồng, 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng, tổng cộng 23.000.000 đồng tiền lãi đến tài khoản ngân hàng S số 060190703234 tên Nguyễn Thanh H1. Từ đó tới nay, Đ chưa trả thêm khoản tiền nào cho H1. Ngoài lời khai thì Đ không cung cấp được tài liệu gì chứng minh số tiền vay H1 là 130.000.000 đồng.

Kết quả điều tra: H1 khai bản thân với Đ và Ngô Đình Nam T4 có một quan hệ bạn bè quen biết nhau. Đ chủ động liên lạc với H1 và đề nghị vay số tiền 145.000.000 đồng chứ không phải là 130.000.000 đồng như Đ đã khai. Đ hứa trong một tháng sẽ trả tiền và gửi “tiền cảm ơn” là 15.000.000 đồng, H1 đồng ý. Ngày 22/01/2020, tại quán cà phê ở phường A, quận B, H1 cho Đ vay 145.000.000 đồng có sự chứng kiến của T4. H1 chỉ đồng ý cho Đ vay tiền trong đúng 01 tháng vì đây là tiền tiết kiệm dự phòng sử dụng khi cần thiết của H1. Tuy nhiên đến hạn là ngày 22/02/2020, Đ không trả tiền như thỏa thuận. Đến ngày 04/03/2020, Đ chuyển 15.000.000 đồng tiền lãi vào tài khoản số 060190703234 của H1 mở tại S, nhưng không trả tiền gốc. Ngày 03/04/2020, 07/04/2020, H1 không biết tại sao Đ lại tự ý tiếp tục chuyển vào tài khoản nêu trên số tiền lần lượt là 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. Tổng cộng Đ đã chuyển khoản cho H1 23.000.000 đồng. Sau ngày 07/04/2020, Đ không trả thêm bất kỳ số tiền nào nữa. Đến ngày 06/07/2020, H1 và Đ tới Văn phòng C địa chỉ A X, phường B, quận B ký hợp đồng công chứng vay số tiền 145.000.000 đồng của khoản vay ngày 22/01/2020. Hiện nay Đ vẫn chưa trả số tiền 145.000.000 đồng cho H1. H1 khai T4 không được hưởng lợi gì từ việc H1 cho Đ vay tiền,

T4 không biết việc Đ gửi tiền lãi cho H1 mà chỉ là người chứng kiến sự việc. H1 có cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 bản Hợp đồng vay tiền thể hiện số tiền vay là 145.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thanh H1 đã cho Đ vay lãi đối với số tiền vốn vay là 145.000.000 đồng. Xét mức lãi suất 15.000.000 đồng/ tháng như H1 khai là (tương đương với 10,34%/tháng, 124,08%/năm là gấp 6,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự). Tổng số tiền lãi mà Đ đã đóng cho H1 là 23.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 4.833.334 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 18.166.666 đồng.

6. Đối với Trần Anh K:

Đ và K có mối quan hệ quen biết trong công việc do K là bí thư đảng ủy phường A, quận B. Đ có vay của K số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) bằng hình thức tiền mặt. Cụ thể: Ngày 06/09/2021, Đ vay của K số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 6%/tháng (tương đương 72%/năm là gấp 3,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự); Ngày 08/09/2021, Đ vay của K số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng (tương đương 60%/năm là gấp 3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự). Các lần vay đều không giao hẹn thời gian trả toán. Như vậy, mỗi tháng Đ phải trả số tiền lãi cho khoản vay 300.000.000 đồng này là 16.000.000 đồng. Từ ngày 08/10/2017 đến ngày 17/02/2020, Đ đã trả cho K số tiền lãi là 80.000.000 đồng tương ứng với 05 tháng tiền lãi vay rồi ngưng không trả nữa. Trong đó bao gồm 05 lần chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng số tiền 58.000.000 đồng và 02 lần đưa tiền mặt số tiền 22.000.000 đồng. Các lần đưa tiền mặt Đ không có tài liệu chứng minh nên Đ chỉ tố cáo đối với số tiền 58.000.000 đồng.

Kết quả điều tra: Trần Anh K trình bày: vào thời điểm tháng 7/2019 thì Đ là cấp dưới của K. Đ có trình bày với K là bản thân đang vay tiền chỗ người quen của Phạm Anh T số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Lãi suất cao nên Đ không thể tiếp tục trả lãi được. Đ hỏi K có chỗ người quen nào cho Đ vay tiền, Đ sẽ gửi tiền lãi suất khoảng 5-6%/tháng. K đồng ý giúp và đã hỏi người quen là Đỗ Như H2 về việc mượn tiền giúp Đ. K có nói với H2 là Đ sẽ gửi tiền cảm ơn hàng tháng cho H2 nhưng không nói rõ là bao nhiêu. H2 đồng ý giúp nhưng không muốn đưa tiền cho Đ vì không biết Đ là ai. Ngày 30/7/2019, H2 chỉ đồng ý đưa 100.000.000 đồng. Sau đó, đến ngày 13/8/2019, H2 đưa thêm cho Khoa 190.000.000 đồng. Ngày 15/8/2019 đưa tiếp 10.000.000 đồng. K có nhờ chị P1 (là Bí thư Đoàn phường 14) và anh T6 (là Chủ tịch UBND phường A1) đưa tiền cho Đ. K nhận thức được tiền Đ cảm ơn thực chất là tiền lãi. K không giao hẹn ngày chuyển tiền lãi hàng tháng nhưng do ngày 08/10/2019 là lần đầu tiên Đ chuyển tiền lãi nên K ngầm hiểu là ngày 8 hàng tháng Đ sẽ chuyển tiền lãi. Từ đó K nhắn tin cho Đ nhắc đóng lãi vào ngày 8.

K khai bản thân có nhận được tổng cộng 58.000.000 đồng tiền chuyển khoản của Đ nhưng chỉ có 38.000.000 đồng là tiền lãi, còn số tiền 20.000.000

đồng là tiền Đ trả nợ K trước đó. Cụ thể các lần như sau: Ngày 08/10/2019, K nhận 16.000.000 đồng, đây là tiền Đ chuyển tiền lãi của tháng 9 và tháng 10; ngày 21/12/2019, K nhận 10.000.000 đồng, đây là tiền Đ chuyển tiền lãi của tháng 11 và tháng 12; ngày 13/02/2020, K nhận 7.000.000 đồng, đây là tiền Đ chuyển tiền lãi của tháng 1/2020; ngày 17/02/2020, K nhận chuyển khoản 12.000.000 đồng nhưng chỉ có 5.000.000 đồng là tiền lãi của tháng 02/2020, còn lại 7.000.000 đồng là tiền Đ trả nợ khoản vay 7.000.000 đồng (không lãi suất) mà ngày 01/10/2019 K chuyển khoản cho Đ mượn.

Đối với số tiền 13.000.000 đồng mà Đ chuyển khoản cho K vào ngày 09/01/2020 thì K trình bày đây là tiền Đ trả nợ khoản vay 13.000.000 đồng (không lãi suất) mà ngày 12/12/2019 K chuyển khoản cho Đ mượn.

Số tiền lãi 38.000.000 đồng nhận từ Đ thì K đã đưa lại hết cho H2, K không hưởng lợi gì từ số tiền này. K trình bày bản thân có biết quy định lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm (tương đương với 1,667%/tháng) và nhận thức được bản thân giúp H2 cho Đ vay tiền với lãi suất 5-6%/tháng là vi phạm pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Như H2 khai: khoảng tháng 07/2019, K có nói chuyện với H2 về việc K có người em cùng cơ quan tên Lý Bá Đ làm ăn thua lỗ, mắc nợ ngoài xã hội nên K hỏi H2 có tiền không thì cho Đ mượn. K sẽ đứng ra bảo lãnh, Đ sẽ gửi tiền cảm ơn hàng tháng cho K rồi K sẽ đưa lại cho H2. Do tin tưởng nên H2 đã đưa cho K số tiền 300.000.000 đồng. H2 chỉ biết đưa tiền cho K mượn chứ không biết K có đưa tiền cho Đ mượn hay không. K có nói với H2 là Đ sẽ gửi tiền cảm ơn hàng tháng nhưng không nói cụ thể là bao nhiêu tiền hay bao nhiêu %. Sau đó K có 04 lần đưa cho H2 tổng cộng 38.000.000 đồng (tiền mặt) và nói là tiền cảm ơn của Đ gửi.

Tiến hành cho Đ và K đối chất mâu thuẫn về số tiền lãi nhận được, kết quả Đ và K vẫn giữ nguyên quan điểm. Đ không cung cấp được tài liệu thể hiện số tiền 20.000.000 đồng chênh lệch với lời khai của K là tiền lãi vay.

Như vậy, K và H2 đã cho Đ vay tiền với mức lãi suất 5-6%/tháng (tương đương 60-72%/năm là gấp 3-3,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự). Tổng số tiền lãi mà Đ đã đóng cho K và H2 là 38.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 30.000.000 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông Lý Việt H3 (là bố ruột của Lý Bá Đ) trình bày: tháng 12/2020, K có sử dụng số điện thoại 0909848847 nhắn tin cho ông H3 với nội dung đại ý như sau: Đ có nhờ K giới thiệu người quen cho Đ vay 300.000.000 đồng với lãi suất 5-6%/tháng để giảm áp lực tiền lãi từ các chỗ vay khác. K đã đồng ý giúp Đ và K muốn ông H3 nói Đ rút tên K khỏi đơn tố cáo.

Đối với việc Nguyễn Vũ T5, Nguyễn Thanh H1, Ngô Đình Nam T4 có đơn tố cáo Lý Bá Đ:

T5, H1, Trung tố cáo **Đ** có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn vay tiền rồi hứa hẹn nhiều lần và tránh mặt không trả. Qua tra cứu nội dung đơn tố cáo, Cơ quan điều tra xác định số tiền mà **T5, H1**, Trung tố cáo **Đ** chiếm đoạt thực chất là số tiền mà các đối tượng cho **Đ** vay tiền rồi lấy lãi nặng.

Vật chứng:

- Tạm giữ 332.200.000 đồng do **Phạm Anh T7** (anh trai **Phạm Anh T**) nộp khắc phục hậu quả cho **Phạm Anh T**.
- Tạm giữ 7.900.000 đồng do **Nguyễn Trung H** nộp khắc phục hậu quả.
- Tạm giữ 46.000.000 đồng do **Lê Thanh L** nộp khắc phục hậu quả.
- Tạm giữ 01 (một) điện thoại **S1** 10, màu đen, có lắp thuê bao số 0932100390, 01 (một) điện thoại **S1** A70, màu đen, có lắp thuê bao số 0907678999 của **Phạm Anh T**.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKSBBTh ngày 18/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố các bị cáo **Lê Thanh L, Phạm Anh T** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201; **Nguyễn Trung H** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với **Ngô Đình Nam T4, Nguyễn Vũ T5, Nguyễn Thanh H1, Trần Anh K, Đỗ Như H2** hành vi không cấu thành tội phạm nên không khởi tố.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố các bị cáo **Lê Thanh L, Phạm Anh T** và **Nguyễn Trung H** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo **Lê Thanh L** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân phường A2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** quản lý, giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 32, 35 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo **Phạm Anh T** 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32, 35; Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung H** 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, giải quyết trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo.

Ngày 11/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/KNPT-VKS, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án, chuyển hình phạt tiền sang hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo **Phạm Anh T**.

Tại phiên toà phúc thẩm ngày hôm nay, các bị cáo **Phạm Anh T**, **Nguyễn Trung H** thừa nhận hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Tuy nhiên, bị cáo **T** cho rằng số tiền bị cáo cho **Đ** vay làm nhiều lần, cụ thể như sau:

- 1/ Ngày 14/2/2018 vay 20.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 2/ Ngày 16/3/2018 vay 40.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 3/ Ngày 29/3/2018 vay 20.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 4/ Ngày 16/4/2018 vay 70.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 5/ Ngày 01/6/2018 vay 20.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 6/ Ngày 27/6/2018 vay 30.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 7/ Ngày 30/7/2018 vay 40.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 8/ Ngày 20/8/2018 vay 50.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 9/ Ngày 09/10/2018 vay 50.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 10/ Ngày 19/10/2018 vay 50.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 11/ Ngày 25/01/2019 vay 100.000.000 đồng lãi 15%/tháng.
- 12/ Ngày 01/02/2019 vay 80.000.000 đồng lãi 15%/tháng.

Trong quá trình vay **Đ** đã nhiều lần chuyển khoản qua Ngân hàng để trả lãi cho **T** cụ thể:

- 1/ Ngày 21/5/2018 chuyển lãi 5.000.000 đồng.
- 2/ Ngày 16/6/2018 chuyển lãi 2.000.000 đồng.
- 3/ Ngày 18/6/2018 chuyển lãi 9.000.000 đồng.
- 4/ Ngày 04/7/2018 chuyển lãi 8.000.000 đồng.
- 5/ Ngày 09/8/2018 chuyển lãi 3.000.000 đồng.
- 6/ Ngày 30/8/2018 chuyển lãi 11.000.000 đồng.
- 7/ Ngày 26/9/2018 chuyển lãi 5.000.000 đồng.
- 8/ Ngày 07/11/2018 chuyển lãi 16.000.000 đồng.
- 9/ Ngày 13/12/2018 chuyển lãi 16.000.000 đồng.
- 10/ Ngày 27/02/2019 chuyển lãi 3.900.000 đồng.
- 11/ Ngày 21/3/2019 chuyển lãi 10.000.000 đồng.
- 12/ Ngày 24/4/2019 chuyển lãi 48.000.000 đồng.
- 13/ Ngày 29/5/2019 chuyển lãi 27.400.000 đồng.
- 14/ Ngày 31/7/2019 chuyển lãi 70.000.000 đồng.
- 15/ Ngày 15/11/2019 chuyển lãi 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay nợ qua nhiều lần là 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng. Tổng số tiền đóng lãi đối với tất cả các khoản vay trên là 274.300.000 (hai trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ngàn) đồng. Mỗi lần **Đ** chuyển khoản trả lãi không phải chỉ trả cho một khoản vay trong tháng mà trả cùng lúc cho nhiều khoản vay của các lần vay trước đó.

Ông **Lý Bá Đ** xác nhận nội dung trên là đúng với diễn biến khách quan của vụ án.

Ngoài ra, bị cáo **Phạm Anh T** và **Nguyễn Trung H** còn trình bày trong quá trình điều tra vụ án ông **Phạm Anh T7** (anh trai bị cáo **T**) có nợ 332.200.000 đồng khắc phục hậu quả cho **Phạm Anh T**; bị cáo **Nguyễn Trung H** có nợ 7.900.000 đồng để khắc phục hậu quả. Giấy nợ tiền bản chính đã nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an quận B**.

Các bị cáo mong muốn được Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên, để có điều kiện chấp hành án, sớm hoà nhập xã hội.

Bị cáo **Lê Thanh L** có đơn xin xét xử vắng mặt và thừa nhận các hành vi phạm tội như đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến cho rằng: bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt các bị cáo **Phạm Anh T**, **Lê Thanh L** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201, bị cáo **Nguyễn Trung H** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật

hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh kháng nghị trong thời gian hợp lệ. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy: ông **Lý Bá Đ** vay tiền của bị cáo **Lê Thanh L** và **Phạm Anh T** nhiều lần. Số lãi ông **Đ** chuyển khoản trả cho các bị cáo là trả cho nhiều khoản vay. Quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm chưa xác định được tổng số tiền lãi đối với từng khoản vay là chưa đầy đủ. Ngoài ra, vụ án được xét xử từ ngày 26/7/2022 đến ngày 28/7/2022 nhưng biên bản nghị án của Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi thời gian bắt đầu nghị án vào lúc 16 giờ 45 phút ngày 26/8/2022, thời gian kết thúc nghị án vào lúc 09 giờ 00 ngày 28/7/2022. Do có vi phạm thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể điều tra, xác minh, làm rõ được nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung. Do đề nghị hủy toàn bộ bản án nên không đề nghị xem xét lại phần hình phạt đối với bị cáo **Phạm Anh T**.

Các bị cáo **Phạm Anh T**, **Nguyễn Trung H** không tranh luận.

Ông **Lý Bá Đ** không tranh luận.

Luật sư **Đỗ Biên T3** trình bày bài bảo vệ quyền, lợi ích cho ông **Lý Bá Đ** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an quận B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân **quận B**, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị cáo **Lê Thanh L**: ngày 01/11/2022, bị cáo **L** đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe. Xét sự vắng mặt này không vì lý do bất khả kháng, không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo **Phạm Anh T**, **Nguyễn Trung H**, **Lê Thanh L** và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định:

Khoảng tháng 6 năm 2018 bị cáo **Lê Thanh L** đã nhiều lần cho **Lý Bá Đ** vay tiền (ông **Đ** không nhớ ngày và tháng chính xác, không nhớ số tiền vay từng lần) tổng số tiền 260.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng, tương đương 120%/năm, gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự. **Đ** đã 15 lần chuyển tiền lãi cho **L** với số tiền 158.000.000 đồng; **Đ** chưa trả tiền gốc vay là 260.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định là 26.333.333 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 131.666.667 đồng.

Từ ngày 14/02/2018 đến ngày 01/02/2019 bị cáo **Phạm Anh T** đã nhiều lần cho **Lý Bá Đ** vay tổng số tiền 570.000.000 đồng qua nhiều lần vay. Cụ thể như sau:

- 1/ Ngày 14/2/2018 vay 20.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 2/ Ngày 16/3/2018 vay 40.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 3/ Ngày 29/3/2018 vay 20.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 4/ Ngày 16/4/2018 vay 70.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 5/ Ngày 01/6/2018 vay 20.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 6/ Ngày 27/6/2018 vay 30.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 7/ Ngày 30/7/2018 vay 40.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 8/ Ngày 20/8/2018 vay 50.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 9/ Ngày 09/10/2018 vay 50.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 10/ Ngày 19/10/2018 vay 50.000.000 đồng lãi 10%/tháng.
- 11/ Ngày 25/01/2019 vay 100.000.000 đồng lãi 15%/tháng.
- 12/ Ngày 01/02/2019 vay 80.000.000 đồng lãi 15%/tháng.

Trong quá trình vay **Đ** đã nhiều lần chuyển khoản qua Ngân hàng để trả lãi cho **T** 274.300.000 đồng cụ thể:

- 1/ Ngày 21/5/2018 chuyển lãi 5.000.000 đồng.
- 2/ Ngày 16/6/2018 chuyển lãi 2.000.000 đồng.
- 3/ Ngày 18/6/2018 chuyển lãi 9.000.000 đồng.
- 4/ Ngày 04/7/2018 chuyển lãi 8.000.000 đồng.
- 5/ Ngày 09/8/2018 chuyển lãi 3.000.000 đồng.
- 6/ Ngày 30/8/2018 chuyển lãi 11.000.000 đồng.
- 7/ Ngày 26/9/2018 chuyển lãi 5.000.000 đồng.
- 8/ Ngày 07/11/2018 chuyển lãi 16.000.000 đồng.
- 9/ Ngày 13/12/2018 chuyển lãi 16.000.000 đồng.
- 10/ Ngày 27/02/2019 chuyển lãi 3.900.000 đồng.

- 11/ Ngày 21/3/2019 chuyển lãi 10.000.000 đồng.
- 12/ Ngày 24/4/2019 chuyển lãi 48.000.000 đồng.
- 13/ Ngày 29/5/2019 chuyển lãi 27.400.000 đồng.
- 14/ Ngày 31/7/2019 chuyển lãi 70.000.000 đồng.
- 15/ Ngày 15/11/2019 chuyển lãi 40.000.000 đồng.

Ngày 29/8/2019 và ngày 05/9/2019, bị cáo **Nguyễn Trung H** đứng tên giúp cho **Phạm Anh T** trên giấy tờ để cho **Lý Bá Đ** vay số tiền 370.000.000 đồng để được hưởng lợi. **H** đã thu tiền lãi với lãi suất 12%/1 tháng (tương đương 144%/năm là gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự) của **Lý Bá Đ** hàng tháng, thu được 04 tháng tổng số tiền là 65.800.000 đồng và được **T** cho 7.900.000 đồng. Cụ thể số tiền lãi **Đ** đã trả cho **H** như sau:

- 1/ Ngày 28/9/2019 chuyển lãi 36.000.000 đồng.
- 2/ Ngày 05/10/2019 chuyển lãi 8.400.000 đồng.
- 3/ Ngày 05/12/2019 chuyển lãi 11.400.000 đồng.
- 4/ Ngày 06/12/2019 chuyển lãi 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi **Đ** đã trả cho **T** (bao gồm cả tiền **Đ** trả thông qua **H**) là 340.100.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 45.716.667 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 294.383.333 đồng. **T** thu lợi bất chính tổng số tiền 294.383.333 đồng. **T** cho **H** 7.900.000 đồng, còn hưởng lợi 286.483.333 đồng. **H** thu lợi bất chính 7.900.000 đồng.

Với các hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo **Phạm Anh T**, **Lê Thanh L** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201, bị cáo **Nguyễn Trung H** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị trong thời hạn luật định.

[3] Xét thấy: về hành vi phạm tội của bị cáo **Lê Thanh L**, **Phạm Anh T**: quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm chưa xác định rõ được từng khoản vay gốc mà các bị cáo **Lê Thanh L**, **Phạm Anh T** cho **Lý Bá Đ** vay cụ thể là những lần nào, số tiền vay đối với từng lần, số tiền lãi được trả đối với từng khoản vay là bao nhiêu, số tiền lãi thu lợi bất chính trên từng khoản vay là bao nhiêu để xác định đúng các tình tiết khách quan của hành vi phạm tội, đồng thời dùng làm căn cứ xác định bị cáo **Lê Thanh L**, **Phạm Anh T** có phạm tội hai lần trở lên hay không. Việc cấp sơ thẩm gộp tất cả các khoản vay có cùng mức lãi suất lại thành một (ngày tháng vay khác nhau), dùng số tiền trả lãi từng lần làm căn cứ xác định bị cáo **Phạm Anh T** phạm tội nhiều lần trong khi số tiền lãi mỗi lần **Đ** trả

cho bị cáo **T** là trả cho nhiều khoản vay trước đó (không phải trả cho một khoản vay) là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo **Phạm Anh T** và **Nguyễn Trung H** khai trong quá trình điều tra vụ án ông **Phạm Anh T7** (anh trai bị cáo **T**) có nộp 332.200.000 đồng khắc phục hậu quả cho **Phạm Anh T**; **Nguyễn Trung H** có nộp 7.900.000 đồng để khắc phục hậu quả. Giấy nộp tiền bản chính đã nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an quận B** nhưng trong hồ sơ vụ án không có bản chính mà chỉ có bản photocopy. Bản Cáo trạng số 51/CT-VKSBBTh ngày 18/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh cũng xác định các bị cáo **Phạm Anh T** nộp 332.200.000 đồng, **Nguyễn Trung H** nộp 7.900.000 đồng, **Lê Thanh L** nộp 46.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án cũng không có bản chính các giấy nộp tiền như các bị cáo trình bày.

Ngoài ra, phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án từ ngày 26/7/2022 đến ngày 28/7/2022 nhưng biên bản nghị án của Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi thời gian bắt đầu nghị án vào lúc 16 giờ 45 phút ngày 26/8/2022, thời gian kết thúc là 09 giờ 00 phút ngày 28/7/2022 là không đúng về trình tự thời gian.

Nhận thấy, việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ và có sai sót về thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể điều tra, xác minh làm rõ và không thể khắc phục được. Do đó, để đảm bảo việc xét xử vụ án được toàn diện, khách quan, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Do hủy toàn bộ bản án nên Hội đồng xét xử không xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo **Lê Thanh L**, **Phạm Anh T**, **Nguyễn Trung H** cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh nhận lại hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh để chuyển đến Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung. Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo **Lê Thanh L**, **Phạm Anh T**, **Nguyễn Trung H** cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh nhận lại hồ sơ vụ án.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND quận Bình Thạnh; (1)
- CC THA quận Bình Thạnh; (1)
- Bị cáo; (3)
- TAND quận Bình Thạnh; (2)
- Công an quận Bình Thạnh; (1)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư, đương sự; (2)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (24) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên